

Số: /BC-SKHCN

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO
Sơ kết tình hình triển khai Chiến lược công tác dân tộc

Thực hiện Công văn số 572/SDTTG-DT ngày 03/9/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về việc báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Sơ kết tình hình triển khai Chiến lược công tác dân tộc như sau:

1. Công tác quản lý, chỉ đạo, triển khai

Đảng ủy, Lãnh đạo Sở phổ biến, quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan các chủ trương, đường lối chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc (CLCTDT) giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc, Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; và các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trong tình hình mới; các chương trình, chính sách thực hiện tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), tác động trực tiếp đến đồng bào DTTS&MN...,

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong CLCTDT:

2.1. Về đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

- Sở Khoa học và Công nghệ đã tích cực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông đầu tư hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh nói chung và hạ tầng viễn thông khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Theo đó, hạ tầng viễn thông của tỉnh Quảng Ngãi đã được đẩy mạnh đầu tư, phát triển, 100% thôn, bản trên địa bàn tỉnh có sóng di động 3G, 4G, mạng cáp quang đã phủ đến 100% cấp xã và 97,4% cấp thôn.

- Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, 2025, UBND cấp xã trên địa bàn khu vực phía tây đã triển khai trên 120 điểm WIFI công cộng tại các khu sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng (trong đó ưu tiên triển khai các điểm thuộc khu vực đặc biệt khó khăn) nhằm hỗ trợ phát triển công dân số, xã hội số, kinh tế số và phong trào “bình dân học vụ số”; cũng là điểm hỗ trợ người dân khu vực khó khăn thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp. Trong những tháng cuối năm 2025,

UBND cấp xã tiếp tục triển khai các điểm WIFI công cộng tại các khu sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng còn lại.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin” (lắp đặt tivi được kết nối Internet băng rộng) tại Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với các xã thuộc khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn) để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10 của Chương trình, theo đó trên địa bàn tỉnh có 97 điểm (tại khu vực phía Đông của tỉnh có 56 điểm; khu vực phía tây của tỉnh có 41 điểm) được lắp đặt ở các nhà văn hóa thôn, văn hóa xã, UBND các xã để hỗ trợ người dân truy cập thông tin miễn phí.

- Thực hiện Chương trình viễn thông công ích: trong những năm qua các doanh nghiệp viễn thông đã tích cực triển khai đường truyền internet băng rộng cho tất cả các trường học, cơ sở y tế, UBND xã (đối với các xã thuộc khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn) trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với VNPT, Viettel và các đơn vị liên quan để triển khai các giải pháp như hỗ trợ thiết bị học trực tuyến, phủ sóng Internet tại các điểm lữ hành và kêu gọi sự đóng góp từ cộng đồng doanh nghiệp và nhà hảo tâm, chương trình đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo công bằng giáo dục cho học sinh vùng sâu, vùng xa.

2.2. Về phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng:

Ngày 21/12/2024, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 252/KH-UBND Phát triển Hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, với mục tiêu Phát triển hạ tầng số để phục vụ chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số, dẫn dắt kinh tế số, xã hội số, trong đó lấy trải nghiệm người dùng là trọng tâm; tạo động lực phát triển nhanh các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế số; phát triển hạ tầng số với chất lượng cao, băng thông rộng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu lớn.

Sở Khoa học và Công nghệ và Tỉnh đoàn Quảng Ngãi đã xây dựng Kế hoạch phối hợp hoạt động giai đoạn 2025 – 2030 (đã thống nhất nội dung và sắp tới sẽ ký kết), với một số nội dung như: Phối hợp với các tổ chức/doanh nghiệp công nghệ số thúc đẩy, hỗ trợ đoàn viên, thanh niên và người dân chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp thông qua nền tảng số (thương mại điện tử, du lịch thông minh, nông nghiệp thông minh...), đặc biệt là đối tượng thanh niên khởi nghiệp tại các Câu lạc bộ Khởi nghiệp và thanh niên khởi nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh;

Ngoài ra, Sở KH&CN ưu tiên các đề xuất liên quan đến nâng cao trình độ và kỹ năng số cho thanh niên miền núi. Về nghiên cứu khoa học công nghệ có đề tài “Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt –

Co”, sản phẩm chính của Đề tài là số hóa nguồn dữ liệu tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co, hình thành một Cơ sở dữ liệu điện tử và phát triển phần mềm chạy trên đa nền tảng, cùng với ứng dụng AI tích hợp vào phần mềm để nhận diện giọng nói là sản phẩm có giá trị cả về mặt kinh tế và văn hóa, tinh thần nhằm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co học tiếng Kinh để phát triển kinh tế, nâng cao hiểu biết về pháp luật và phát huy truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời là công cụ hỗ trợ đắc lực cho người Kinh như cán bộ, công chức cấp xã, đoàn viên thanh niên làm việc lại tác xã miền núi muốn tuyên truyền cho bà con cần phải biết tiếng đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương, đặc biệt là giáo viên khối mẫu giáo và tiểu học lên giảng dạy trên vùng cao Quảng Ngãi có thể học tiếng để giao tiếp với học sinh và phụ huynh, rút ngắn khoảng cách về ngôn ngữ giữa các dân tộc trong sinh sống, học tập, làm việc. Không chỉ dừng lại là một công cụ tra cứu để học tiếng đồng bào dân tộc thiểu số, sản phẩm Cơ sở dữ liệu điện tử còn là một kênh để lưu giữ và truyền tải những giá trị bản sắc văn hóa độc đáo của người Hrê, người Co, từ đó mang ý nghĩa văn hóa và nhân văn sâu sắc.

3. Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và giải pháp trong quá trình xây dựng và thực hiện CLCTDT.

a) Thuận lợi

- Công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh luôn được Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện tốt; các chính sách đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội trong vùng DTTS luôn được triển khai thực hiện kịp thời. Công tác phối hợp giữa các sở ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố được tăng cường, đã bám sát hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban Dân tộc, của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, thực hiện đúng quy định.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông luôn được các cấp, các ngành quan tâm, tích cực đầu tư; đặc biệt là trong thời gian vừa qua, công tác chuyển đổi số luôn được quan tâm và đặt làm nhiệm vụ hàng đầu. Các hệ thống, CSDL và nền tảng số được lựa chọn, đẩy mạnh triển khai theo hướng phục vụ tốt nhu cầu của người dân.

b) Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Một số điểm (75 điểm) thuộc các thôn sòng còn yếu, còn lờm sòng di động (các điểm này thuộc các thôn đặc biệt khó khăn, đa số người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống). Nguyên nhân, các khu vực này dân cư thưa thớt, địa hình đồi núi phức tạp dẫn đến khó khăn cho việc đầu tư hạ tầng cũng như tìm giải pháp công nghệ phù hợp để triển khai của doanh nghiệp viễn thông.

- Các huyện miền núi với đặc thù địa hình đồi núi, vùng sâu, vùng xa, dân cư thưa thớt, chi phí đầu tư lớn nên có khó khăn nhất định trong việc phát triển hạ tầng viễn thông, do đó tình trạng lờm sòng, sòng yếu tại các thôn, xóm vẫn còn, chưa đáp ứng lưu thông thực tế, chưa đáp ứng tất cả các dịch vụ viễn thông theo nhu cầu.

- Công nghệ thông tin là một lĩnh vực khoa học công nghệ cao và phát triển nhanh nên việc triển khai luôn nảy sinh những vấn đề phức tạp cần xử lý. Hạ tầng số giữa vùng thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và vùng cao vẫn còn khoảng cách lớn, cần từng bước thu hẹp.

5. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện CLCTDT.

- Tiếp tục phổ biến, quán triệt các chủ trương, đường lối chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc (CLCTDT) giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc và các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trong tình hình mới;

- Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông, nâng cao chất lượng dịch vụ (đặc biệt các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa) nhằm đáp ứng nhu cầu của Nhân dân; tiếp tục đề nghị UBND cấp xã xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển hạ tầng số tại cơ sở nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận Internet, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ sở trong Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm.

- Đẩy mạnh việc thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ trong việc phát triển kinh tế - xã hội và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới; nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Trên đây là báo cáo sơ kết Chiến lược công tác dân tộc của Sở Khoa học và Công nghệ, kính gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Liêm